

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/KDTM-ST  
Ngày: 29-9-2021  
v/v Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Tấn Thúc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thi Thị Hoàng Yên là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-KDTM ngày 02/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-KDTM ngày 21/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2021/QĐST-KDTM ngày 19/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2021/QĐST-KDTM ngày 11/9/2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần T.

Địa chỉ: Số 122 đường N, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt V - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Phạm Xuân Đ- Sinh năm: 1962 (Có mặt)

Bà Dương Thị Mỹ H- Sinh năm: 1997 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: K27/12 đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 01/2020/HĐ lập ngày 08/10/2020).

2. *Bị đơn:* Tổng công ty X.

Địa chỉ: Tầng trệt, Tòa nhà Babylon - Newcity, Số 17 đường M khu phố 7, phường A, thành phố Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: Số 31 đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn B- chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt lần thứ hai).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chi nhánh Tổng công ty X tại Đà Nẵng.

Địa chỉ: Số 31 đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đứng đầu chi nhánh: Ông Võ Quốc Thiệu - chức vụ: Giám đốc (vắng mặt lần thứ hai).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020, đơn sửa đổi bổ sung đề ngày 16/11/2020 của nguyên đơn Công ty Cổ phần T (Sau đây gọi tắt là Công ty T), bảng tự khai đề ngày 06/5/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Dương Thị Mỹ H trình bày:

Chi nhánh Tổng công ty X tại Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6) theo ủy quyền của Tổng công ty X (Sau đây gọi tắt là Tổng công ty Xây dựng 6) đã ký kết với Công ty T Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 01/HĐNT-CNNT-NLMT ngày 02/01/2017 với nội dung cụ thể như sau: Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6 đồng ý mua và Công ty T đồng ý bán thép các loại (thép xây dựng, thép hình, thép ống, thép đặc chủng, chuyên dụng) với khối lượng theo đơn đặt hàng của Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6. Đơn giá là căn cứ vào báo giá từng đợt của Công ty T được Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6 chấp nhận và phương thức thanh toán được thực hiện trên từng đơn hàng cụ thể sau khi hai bên xác nhận qua đơn đặt hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã cung cấp đầy đủ các mặt hàng thép. Vào ngày 31/12/2019, giữa hai Công ty đã tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ (từ ngày 21/5/2019 đến ngày 31/12/2019), theo đó Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6 còn nợ Công ty T số tiền là 108.419.139 đồng. Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6 thanh toán số tiền hàng còn nợ nhưng Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6 không có thiện chí trả nợ. Do đó, Công ty T đã khởi kiện Tổng công ty Xây dựng 6. Trong quá trình tòa án thụ lý và giải quyết, ngày 20/05/2021, Tổng công ty Xây dựng 6 đã chuyển khoản thanh toán số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ lại 68.419.139 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, theo đó: buộc Tổng công ty Xây dựng 6 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ là 68.419.139 đồng.

*Đối với bị đơn Tổng công ty X:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần cho bị đơn để

tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Tổng công ty X tại Đà Nẵng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng người đứng đầu Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

*\* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020, đơn sửa đổi bổ sung đề ngày 16/11/2020 thì Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 01/HĐNT-CNNT-NLMT ngày 02/01/2017, HĐXX xét thấy đây là tranh chấp giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 01/HĐNT-CNNT-NLMT ngày 02/01/2017, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận *“Trong trường hợp thương lượng không đạt kết quả, một trong các bên có quyền khởi kiện đến Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn để yêu cầu giải quyết tranh chấp”*. Tại thời điểm khởi kiện, nguyên đơn có địa chỉ trụ sở tại Ngã Tư Cách Mạng Tháng Tám - Nguyễn Hữu Thọ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Xây dựng 6 là ông Võ Văn B và người đứng đầu Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6 là ông Võ Quốc Thiệu đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Văn B và ông Võ Quốc Thiệu.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu buộc Tổng công ty Xây dựng 6 thanh toán số tiền còn nợ 68.419.139 đồng.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Tổng công ty Xây dựng 6 không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đưa ra chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép 01/HĐNT-CNNT-NLMT ngày 02/01/2017, Biên bản đối chiếu công nợ, Biên bản giao nhận hàng hóa, Hóa đơn giá trị gia tăng và Biên bản điều chỉnh hóa đơn giá trị gia tăng là có căn cứ xác định: Ngày 02/01/2017, giữa Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng 6 (Theo ủy quyền của Tổng công ty Xây dựng 6) và Công ty T có ký kết Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 01/HĐNT-CNNT-NLMT trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thực hiện đúng các cam kết theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 31/12/2019, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, tại thời điểm này Tổng công ty Xây dựng 6 còn nợ lại Công ty T số tiền 108.419.139 đồng. Quá trình tố tụng, ngày 20/5/2021, bị đơn đã thanh toán được số tiền 40.000.000 đồng. Do đó, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 68.419.139 đồng. Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Tổng công ty Xây dựng 6 thanh toán số tiền còn lại là 68.419.139 đồng nhưng Tổng công

ty Xây dựng 6 vẫn không thực hiện. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bên mua quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Tổng công ty Xây dựng 6 thanh toán số tiền hàng còn nợ là 68.419.139 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Tổng công ty Xây dựng 6 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là  $5\% \times 68.419.139 = 3.420.957$  đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Công ty Cổ phần T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 24, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T đối với Tổng công ty X về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Tổng công ty X phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền là 68.419.139 đồng (Sáu mươi tám triệu bốn trăm mười chín nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Tổng công ty X không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Tổng công ty X phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Tổng công ty X phải chịu 3.420.957 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần T được hoàn trả 2.710.478 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008527 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Đã ký tên và đóng dấu**

**Ngô Thị Thanh Tuyền**